

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/08/2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH Đ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn – CB hưu trí

Bà Thiều Thị Phi Loan – CB hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 842/2020/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/06/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2020/QĐST – HNGĐ ngày 17/07/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1992.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ

(*Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Q vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh T vào năm 2010. Quá trình chung sống không hạnh phúc vì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, xung đột với nhau, mặt khác chồng thiếu trách nhiệm, không tôn trọng vợ. Vì không muốn đổ vỡ, cả hai đã nhiều lần ngồi lại để hàn gắn với nhau nhưng không có kết quả. Nay, nhận thấy tình cảm với chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Lê Văn Q.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Thị Khánh Ly, sinh ngày 29/6/2010 và Lê Việt Hoàng Anh, sinh ngày 01/11/2015. Ly hôn bà xin được

nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Ly và cháu Anh, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn ông Lê Văn Q:** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Tùng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không có văn bản giải trình, không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa. Vì vậy, không có lời trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn, bà Th xác định nợ chung vợ chồng bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên. Do ông Lê Văn Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Q, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Lê Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Bà Lê Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn Q; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Th là nguyên đơn còn ông Q là bị đơn trong vụ án.

- Ông Lê Văn Q có địa chỉ cư trú hiện nay tại số: Tổ 4, Khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Q tại địa chỉ này, nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tham gia phiên tòa. Ngoài ra, bà Th cũng có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà Th và ông Q.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2010. Quá trình chung sống không hạnh phúc vì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, xung đột với nhau, mặt

khác chồng thiếu trách nhiệm, không tôn trọng vợ. Vì không muốn đổ vỡ, cả hai đã nhiều lần ngồi lại để hàn gắn với nhau nhưng không có kết quả. Nay, nhận thấy tình cảm với chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Lê Văn Q. Xét yêu cầu ly hôn của bà Th là có cơ sở chấp nhận vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, Q trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng, trong quá trình chung sống bà Th xác nhận từ đầu cả hai đã không hạnh phúc nguyên nhân là ông Q thiếu trách nhiệm, dẫn đến không tôn trọng và yêu thương giữa chồng với vợ, cuộc sống và mục đích hôn nhân không đạt được. Theo Biên bản xác minh của Công an phường Trảng Dài thì hiện nay ông Lê Văn Q vẫn đang cư trú tại và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ, nhưng quá trình làm việc, mặc dù ông Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần, nhưng đều có ý vắng mặt, thể hiện việc không có ý định muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có thể thấy việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa ông Q và bà Th là có thật, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Lê Văn Q.

[3]. Về con chung: Ông Q và bà Th có 02 con chung là cháu Lê Thị Khánh Ly, sinh ngày 29/6/2010 và Lê Việt Hoàng Anh, sinh ngày 01/11/2015. Ly hôn bà xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Ly và cháu Anh, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con chung. Xét yêu cầu của bà Th là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ hiện nay các cháu Ly và Hoàng Anh vẫn đang do bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời bà Th cũng cam kết trong bản khai rằng mức thu nhập của bà đủ điều kiện để chăm sóc con. Cháu Ly cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, để đảm bảo về sự ổn định cuộc sống của các cháu Ly và Anh, xét cần thiết áp dụng các Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao các con cho bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc nuôi dưỡng; Tạm thời bà Th không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Q được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên do ông Lê Văn Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Q, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Lê Văn Q.

Về con chung: Giao các cháu cháu Lê Thị Khánh Ly, sinh ngày 29/6/2010 và Lê Việt Hoàng Anh, sinh ngày 01/11/2015 cho bà Lê Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông Q được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên do ông Lê Văn Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Q, nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Th phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008606 ngày 02/03/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Th và ông Lê Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Hồng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 30/7/2018,
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đ

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn.
Bà Trương Thị Thìn.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 697/2018/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Nghiên, sinh năm 1979
Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tạc, sinh năm 1972
Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

(Chị Nghiên có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tạc vắng mặt không có lý do))

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TH LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**
Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Thèn: Chị Đỗ Thị Nghiên nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với Anh Đỗ Văn Tạc, sinh năm 1972; Địa chỉ: 197/23A/4E, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh D. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn Tạc nhưng anh Tạc vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tham gia phiên tòa; ngày 27/07/2018, chị Đỗ Thị Nghiên có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt chị Nghiên và anh Tạc.

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thèn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Đỗ Thị Nghiên và anh Đỗ Văn Tạc tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại UBND xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 03 người con. Nhưng từ năm 2011, giữa hai người phát sinh mâu thuẫn bắt nguồn từ chuyện tình cảm và kinh tế, dẫn đến thường xuyên cãi vã, xung đột lẫn nhau, cả hai không còn tôn trọng nhau. Bản thân anh Tạc nhiều lần nhục mạ chị Nghiên và gia đình chị, đe dọa chị về tinh thần, chị cũng đã nhiều lần tha thứ để níu kéo cuộc sống hôn nhân, nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nghiên làm đơn xin được ly hôn với anh Tạc. Xét thấy, theo biên bản xác minh ngày 11/05/2018, địa phương nơi chị Nghiên và anh Tạc sinh sống đã xác nhận anh, chị trong quá trình chung sống thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn, xô xát với nhau, gia đình sống không hòa thuận. Như vậy, trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng là có thật, chị Nghiên cũng xác định hiện nay không còn tình cảm với anh Tạc, nên mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Do vậy, việc chị Nghiên xin ly hôn với anh Tạc là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Hội thẩm Thèn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Thèn: có 03 con chung là cháu:

Đỗ Lan Anh, sinh ngày 25/06/2000.

Đỗ Hồng Anh, sinh ngày 26/04/2002.

Đỗ Kim Anh, sinh ngày 06/12/2011.

Sau khi ly hôn chị Nghiên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Không yêu cầu anh Tạc phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của chị Nghiên là chính đáng, bởi lẽ hiện nay các cháu Đỗ Lan Anh; Đỗ Hồng Anh và Đỗ Kim Anh đang sống cùng với chị Nghiên và do chị Nghiên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu cũng tự nguyện muốn được ở với mẹ, nên được chấp nhận. Sau khi ly hôn Chị Nghiên và anh Tạc vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc,

giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh Tạc có quyền thăm nom con; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thìn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn, chị Nghiên xác định về tài sản chung các bên tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh Tạc vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của anh Tạc nên được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Thìn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Đỗ Thị Nghiên phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Diễn: Chị Nghiên và anh Tạc có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

- Ý kiến của Hội thẩm Thìn: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Diễn.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 30 tháng 7 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thìn Nguyễn Trung Diễn

Đông Thị Hồng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Dương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

